

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2021/HNGĐ – ST
Ngày: 31 tháng 5 năm 2021
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Bá Thị và bà Nguyễn Thị Hương;

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2021/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021

Nguyên đơn: **Chị Hà Thị Thu H**, sinh năm 1989 (có mặt);

Nơi ĐKNKTT: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc;

Nơi ở hiện tại: Xóm Đ, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H: Ông Bùi Đức D – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Bị đơn: **Anh Kiều Như Q**, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Nơi ĐKNKTT: Th, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2021 cùng những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa ngày hôm nay Nguyên đơn chị Hà Thị Thu H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 07/9/2010, chị và anh Kiều Như Q đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi đăng ký kết hôn, chị và anh Q cùng sinh sống tại xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên trong cuộc sống hai bên xuất hiện ngày càng nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Đầu năm 2012, chị H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở xóm Đ, xã V, huyện T sinh sống, vợ chồng ly thân từ thời điểm đó đến nay.

Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể

hàn gắn, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, cho chị được ly hôn anh Q.

- *Về con chung*: Chị và anh Q chưa có con chung.

- *Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về phía bị đơn anh Kiều Như Q: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anh Q có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị H đồng thời anh có đơn xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án. Tại bản tự khai đề ngày 05/5/2021 anh Q trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Q xác nhận anh và chị H đã đăng ký kết hôn, mâu thuẫn gia đình như chị H trình bày là đúng. Nay chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

- *Về con chung*: Anh và chị H chưa có con chung;

- *Về tài sản, công nợ, công sức*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn đề nghị: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H. Cho chị H được ly hôn anh Q. Không giải quyết về con chung, chia tài sản, công nợ, công sức do chị H không yêu cầu.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật;

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: Chị H và anh Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Q. Về con chung: Chị H và anh Q chưa có con chung nên không yêu cầu giải quyết. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp chị H và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, chị H là nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị Thu H có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ giải quyết việc ly hôn anh Kiều Như Q. Đồng thời, anh Q có đơn tự nguyện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ là nơi cư trú của chị H giải quyết việc ly hôn giữa chị H và anh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q, đồng thời anh Q có đơn đề nghị xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Phía chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Q có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Q trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 07/9/2010, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị H và anh Q phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hòa thuận hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2012, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay, chị H xác định không còn tình cảm với anh Q nên xin ly hôn; trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q cũng xác nhận tình trạng vợ chồng như chị H trình bày là đúng và anh cũng đồng ý ly hôn chị H.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Chị H và anh Q không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Nguyên đơn, Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Khi chị H, anh Q có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

2.4. Về án phí: Chị H là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2.5. Về quyền kháng cáo: Anh Q và chị H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

2.6. Đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Hà Thị Thu H được ly hôn anh Kiều Như Q.
2. *Về con chung:* Chị H và anh Q không có con chung.
3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
4. *Án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Hà Thị Thu H phải nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp là 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2019/0003133 ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.
5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Hà Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Kiều Như Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã H, huyện T, Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

